TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng và bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Ông Đàm Như Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Ma Văn D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã triệu tập lần thứ hai mà vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Ma Văn D được tự do tìm hiểu đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2014 đến ngày 02/4/2015 chị H, anh D đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Sau khi cưới và kết hôn chị H, anh D chung sống tại thôn N, xã T, huyện C. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Ban đầu chị H, anh D vẫn cố gắng bỏ qua cho nhau và tiếp tục chung sống cùng nhau nhưng

dần dần mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên chị H, anh D đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Tình cảm vợ chồng của chị H đối với anh D không còn, chị H xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Ma Văn D đến để giải quyết việc chị Phan Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh nhưng anh D đều không có mặt tại Tòa án để làm việc. Lời khai của ông Ma Văn S – bố đẻ anh Ma Văn D cho thấy: Anh D và chị H được tự do tìm hiểu, đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Chị H, anh D chung sống cùng ông S đến năm 2021 thì làm nhà ra ở riêng. Ông S được biết anh D bị người khác lừa tiền nên đã lấy tiền của chị H để đi trả nợ nên hai vợ chồng có xảy ra tranh cãi, ngoài ra không có mâu thuẫn khác. Khoảng tháng 9 năm 2023 thì chị H dọn đồ đạc ra khỏi nhà, ông S không biết nơi ở hiện nay của chị H. Khi chị H làm đơn ly hôn không báo trước cho gia đình ông nhưng khi biết vợ chồng mâu thuẫn thì phía gia đình ông và gia đình chị H đã khuyên bảo để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành.

Ông S đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự gửi cho anh D và đã có thông tin lại cho anh D biết nội dung Tòa án báo đến làm việc nhưng anh D cho biết do bận công việc, không xin nghỉ làm được nên không đến Tòa án làm việc được theo nội dung Thông báo và có ý kiến không nhất trí ly hôn với chị H, ông S cũng mong muốn chị H suy nghĩ lại, rút đơn quay về đoàn tụ với anh D. Trước đây chị H, anh D đi làm công nhân có chung sống cùng nhau một nơi, được vài năm thì anh D vẫn làm lái xe tại M, thành phố Hà Nội (ông S không biết địa chỉ cụ thể) còn chị H đã chuyển đến tỉnh Thái Nguyên để làm việc. Từ khi kết hôn đến nay chị H, anh D không có con chung.

Do bị đơn Ma Văn D không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn Phan Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến như đã nêu trên, bị đơn Ma Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước các yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của chị Phan Thị H: Cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Ma Văn D.

- Về con chung, tài sản và nợ chung: Chị Phan Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Phan Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Ma Văn D; Anh Ma Văn D đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227, 228, 238 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H, anh Ma Văn D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2015 tại UBND xã T, huyện C, kết hôn trên tinh thần tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị Phan Thị H, và lời khai của ông Ma Văn S – bố đẻ anh Ma Văn D cho thấy: Quá trình anh chị chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng chưa hiểu, chưa thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã có thời gian sống ly thân như nguyên đơn trình bày. Như vậy, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Phan Thị H và anh Ma Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H, xử cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Ma Văn D.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị H xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí*

Tòa án: Chị Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Anh Ma Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Ma Văn D (Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 02/4/2015 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Phan Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) chị Phan Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000774, ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Ma Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị H và anh Ma Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Trung Hà (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hằng Lê Thị Thanh Tâm Đào Thị Bích Ngọc